TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 11 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phước

2. Bà Trần Thị Phiến

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Nguyễn Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát Vên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 413/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh V M H, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Số 275/2, H V, phường H Th, thành phố P, tỉnh G L.

Bị đơn: Chị Tr Ng L V, sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T Th, xã A Nh, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tr V N, sinh năm 1963 (vắng mặt);

2. Bà Ng Th L, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T Th, xã A Nh, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh V M H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị V do quen biết nhau rồi tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên chấp thuận nên tổ chức lễ cưới tháng 9 năm 2014, có đăng ký kết hôn và được UBND xã A Nh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/10/2015.

Sau khi cưới nhau, vợ chồng anh H, chị V sống chung với ông Tr V N, bà Ng Th L (là cha mẹ V) tại ấp T Th, xã A Nh, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên cải nhau, nguyên nhân do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dù được cha mẹ V khuyên can nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H vẫn thường xảy ra, làm tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Khoảng tháng 3 năm 2018 sau khi cải nhau thì chị V và anh H lên thành phố Hồ Chí Minh đi làm và không còn sống chung từ đó đến nay. Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không hạnh phúc.

Nay anh V M H yêu cầu được ly hôn với chị Tr Ng L V.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh H chị V có 01 con chung tên V Tr H M, sinh ngày 27/4/2016, hiện cháu M được ông N, bà L là cha mẹ V đang chăm sóc. Anh H đang làm thủ kho của công ty sữa tại Sài Gòn, mức lương khoảng 9.000.000 đồng/tháng, có đủ khả N lo cho con nên anh H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H thay đổi yêu cầu, đồng ý giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn chị Tr Ng L V tại phiên tòa trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị V thống nhất theo lời trình bày của anh H về thời gian quen biết, thời gian đám cưới, cả hai có đăng ký kết hôn tại UBND xã A Nh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2015.

Sau khi về sống chung, vợ chồng thường xuyên cải nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, đến khoảng năm 2018 sau khi cải nhau thì cả hai vợ chồng cùng lên thành phố Hồ Chí Minh làm việc và sống ly thân cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, hôn

nhân kéo dài cũng không thể hàn gắn được tình cảm nên chị V cũng đồng ý ly hôn với anh V M H .

- Về con chung: Chị V thống nhất với anh H, vợ chồng có 01 con chung tên V Tr H M, sinh ngày 27/4/2016, hiện cháu M được ông N, bà L là cha mẹ V đang chăm sóc. Khi ly hôn chị V yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

** Theo biên bản lấy lời khai và tại buổi hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tr V N và bà Ng Th L trình bày:* Trước đây vợ chồng Tr Ng L V sống chung với ông bà, trong quá trình chung sống thì vợ chồng V cũng thường cải nhau, dù đã được ông N, bà L khuyên can nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Năm 2018 sau khi cải nhau thì cả hai vợ chồng V cùng lên thành phố Hố Chí Minh làm việc, để cháu V Tr H M cho ông bà chăm sóc từ đó đến nay.

Nay V M H yêu cầu ly hôn với Tr Ng L V thì ông bà không có ý kiến.

Còn việc anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu V Tr H M sau khi ly hôn thì ông bà cũng đồng ý giao cháu M cho H nuôi, nhưng do cháu M còn quá nhỏ (chỉ mới 3 tuổi) nên ông bà mong muốn lo cho cháu M khi đủ tuổi vào học lớp 1 thì H đón cháu M về cho ăn học vì ông bà cũng đã lớn tuổi không thể chăm sóc cháu M được nhiều.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Anh H và chị V sau khi tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận nên tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã A Nh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/10/2015.

Sau khi về sống chung, do bất đồng quan điểm nên anh H, chị V thường xuyên cải nhau, thời gian sống ly thân vợ chồng hơn 01 năm nay. Do đó, cho thấy mâu thuẫn anh H, chị V ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không

đạt được nên xét việc anh H yêu cầu được ly hôn với chị Tr Ng L V là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về con chung: Anh H và chị V có 01 con chung là V Tr H M, sinh ngày 27/4/2016, hiện cháu M đang sống chung gia đình chị V, được ông N, bà L chăm sóc. Tại phiên tòa anh V M H đồng ý giao con chung cho chị V nuôi sau khi ly hôn, còn phía chị V yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng theo quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu V Tr H M cho chị V trực tiếp nuôi, anh H cấp dưỡng nuôi con theo khả N.

+ Về tài sản chung và nợ chuung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Vện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/8/2019 anh V M H yêu cầu được ly hôn với chị Tr Ng L V và yêu cầu được nuôi con chung nên Tòa án xác định đây là quan hệ hôn nhân gia đình, tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hiện chị V đang cư trú tại ấp T Th, xã A Nh, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành có thẩm quyền giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông N, bà L vắng mặt tại phiên tòa nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Tr V N và bà Ng Th L.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị V do quen biết, được gia đình hai bên chấp thuận nên tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã A Nh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/10/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của anh H, chị V, ông N, bà L Hội đồng xét xử xác định: Sau khi cưới nhau, vợ chồng anh H và chị V sống chung với cha mẹ V tại ấp T Th, xã A Nh, huyện C T, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải nhau, nguyên nhân

do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù được ông N, bà L khuyên nhiều lần nhưng bất đồng giữa anh H, chị V cứ xãy ra, thời gian ly thân cách nay đã hơn 01 năm mà không thể hàn gắn được tình cảm, tại phiên tòa anh H vẫn yêu cầu được ly hôn với chị V và chị V cũng đồng ý ly hôn với anh H.

Qua đó cho thấy, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa anh H và chị V thật sự nghiêm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là điều kiện để cho ly hôn. Do đó, xét Vệc anh V M H yêu cầu Tòa án cho ly hôn với chị Tr Ng L V là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo anh H, chị V trình bày, trong thời kỳ hôn nhân giữa anh H và chị V có 01 con chung tên V Tr H M, sinh ngày 27/4/2016, hiện cháu M được ông N, bà L là cha mẹ V đang chăm sóc. Anh H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H thay đổi yêu cầu, đồng ý giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi sau khi ly hôn, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả N. Còn chị V yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Anh H và chị V đều xác định, từ khi sinh ra thì cháu M được gia đình chị V chăm sóc cho đến nay, hàng tháng anh H có gửi tiền về phụ giúp việc nuôi con. Mặc dù anh H có công việc ổn định, mức lương khoảng 9.000.000 đồng/tháng nhưng lại không có điều kiện chăm sóc con vì hiện mọi sinh hoạt ăn ở của anh H đều tại nơi làm việc, nhiều lúc anh H còn phải trực vào buổi tối, trong khi đó cháu M còn quá nhỏ (chỉ hơn 3 tuổi) được ông N, bà L chăm sóc từ nhỏ, cuộc sống ổn định nên xét việc anh H đồng ý giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi sau khi ly hôn, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng là phù hợp với yêu cầu của chị V nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H, chị V đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 227; Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Cho anh V M H được ly hôn với chị Tr Ng L V.

- Về con chung: Giao con chung là V Tr H M, sinh ngày 27/4/2016 cho chị Tr Ng L V trực tiếp nuôi sau khi ly hôn, anh H cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Chị V và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh V M H đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh V M H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004854 ngày 12/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Anh H đã nộp xong.

- Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã An Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Văn Bình